

NGHIÊN CỨU TIẾP CẬN QUẢN LÝ CẦU NƯỚC SINH HOẠT THÔNG QUA ĐỊNH GIÁ

Bùi Thị Thu Hòa¹

Tóm tắt: Nước sinh hoạt là một trong những nhu cầu thiết yếu, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe thậm chí tính mạng của con người, vì vậy trong số các mục đích sử dụng, cung cấp nước sinh hoạt luôn được ưu tiên hàng đầu. Tuy nhiên, với tốc độ gia tăng dân số, phát triển kinh tế và đô thị hóa hiện nay ngày càng tạo áp lực đối với cung cấp nước sinh hoạt, vì vậy cần có nhận thức rõ hơn về giá trị nước sinh hoạt cũng như ứng dụng cách tiếp cận mới trong quy hoạch và quản lý tài nguyên nước hiệu quả. Tiếp cận quản lý cầu thông qua công cụ kinh tế là định giá nước đang là một trong những tiếp cận được nhiều quốc gia thực hiện, đó là tiếp cận hướng đến trực tiếp người tiêu dùng nhằm thay đổi hành vi và nhận thức của người tiêu dùng đối với hàng hóa và dịch vụ liên quan đến tài nguyên nước. Trong bài viết này tác giả muốn đề cập đến cơ sở khoa học trong quản lý nước sinh hoạt thông qua các phương pháp định giá, cũng như đánh giá thực trạng vấn đề này về quản lý nước sinh hoạt trong điều kiện Việt Nam.

Từ khóa: Quản lý cầu, định giá, nước sinh hoạt.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Biến đổi khí hậu cũng như thay đổi dân số và phát triển kinh tế hiện nay ngày càng tạo áp lực lớn đối với tài nguyên nước khiến cho công tác quy hoạch và quản lý tài nguyên nước nhiều quốc gia đã thay đổi và hiệu chỉnh theo một số cách tiếp cận thích hợp để thích ứng với điều kiện nguồn cung hiện tại. Cách tiếp cận quản lý tài nguyên nước phổ biến thường vẫn được sử dụng đó là dựa trên tiếp cận từ phía cung, thông qua hoàn thiện, nâng cấp và mở rộng phát triển hệ thống cung cấp nước. Tuy nhiên với hiệu suất khai thác tài nguyên nước gần như tối đa nguồn nước sẵn có nên cách tiếp cận này đôi khi khó đáp ứng trong điều kiện biến đổi nhanh về nhân khẩu học cũng như phát triển kinh tế xã hội (Herbertson và Tate, 2001). Chính vì vậy, nhiều quốc gia trên thế giới đã chuyển tiếp cận quản lý cung sang tiếp cận quản lý cầu nhằm bảo đảm và thích ứng nguồn cung cấp nước ngày càng khan hiếm và căng thẳng (Griffin, 2006). Quản lý cầu được thực hiện thông

qua nhiều công cụ như kinh tế, hoàn thiện thể chế, nâng cao nhận thức, giáo dục... tuy nhiên trong bài viết này tác giả tập trung nghiên cứu quản lý cầu thông qua các công cụ kinh tế bằng định giá nhằm nghiên cứu khả năng áp dụng trong điều kiện thực tế hiện nay. Ý tưởng chính của các công cụ chính sách kinh tế nhằm tạo động lực, khuyến khích và tự nguyện lựa chọn trên cơ sở động cơ mỗi cá nhân thay vì quy định hành vi cụ thể. Trong hoạt động kinh tế, giá đóng vai trò quan trọng trong việc phát tín hiệu để các bên tự điều chỉnh hành vi của mình. Trên cơ sở đó, giá sẽ tác động đến việc phân bổ tài nguyên, định dạng việc phân phối tiêu dùng và thu nhập giữa các cá nhân, thậm chí cả phạm vi quốc gia. Tuy nhiên, ngành nước đặc trưng là ngành có nhiều thất bại thị trường nên thực tế chưa có hệ thống giá vận hành theo đúng nghĩa trong khu vực công cộng. Bởi vậy, cần có sự can thiệp của chính phủ để thiết lập giá, cụ thể là giá nước nhằm khôi phục lại chức năng phát tín hiệu của giá, cũng như tìm ra các nguyên nhân bóp méo và biện pháp khắc phục. Định giá là một khái niệm rộng và ngày càng sử

¹ Khoa Kinh tế & Quản lý, Trường Đại học Thủy lợi

dụng ở nhiều quốc gia trên thế giới bởi ngoài mục tiêu hiệu quả kinh tế còn hướng đến các mục tiêu xã hội như bình đẳng, bảo vệ môi trường trong quản lý tài nguyên nước. Trong số các mục đích sử dụng, nước sinh hoạt luôn được quan tâm và đóng vai trò quan trọng nhất đối với hoạt động của con người. Vì vậy, trong bài viết này tác giả muốn nghiên cứu tổng quan về quản lý cầu thông qua các phương pháp định giá, từ đó phân tích thực trạng quản lý nước sinh hoạt ở Việt Nam khi áp dụng công cụ kinh tế này.

2. CƠ SỞ KHOA HỌC

Trước những nhu cầu sử dụng tài nguyên nước rất đa dạng và bất định, quản lý cầu được cho là một trong những giải pháp khắc phục tình trạng khan hiếm hiện nay. Tiếp cận quản lý từ phía cầu được hiểu là cách quản lý khai thác tài nguyên nước thông qua các biện pháp kiểm soát chất thải và lượng tiêu thụ quá mức (Herbertson và Tate, 2001). Với cách tiếp cận quản lý cầu, hành vi người tiêu dùng sẽ là đối tượng hướng tới nhằm đạt được bất kỳ mục tiêu về hiệu quả kinh tế, phát triển, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường cũng như đảm bảo nguồn cung cấp và dịch vụ nước bền vững. Đối với mục tiêu hiệu quả kinh tế, quản lý cầu sử dụng nước sẽ hướng đến mục đích giảm tổn thất trong việc cung cấp, phân phối nước, lựa chọn chất lượng nước phù hợp với các mục đích sử dụng, cũng như lựa chọn thời gian cung ứng như sử dụng nước vào thời gian thấp điểm, nhằm giảm căng thẳng cho hệ thống cung cấp nước và hạn chế tình trạng khan hiếm. Chiến lược quản lý cầu cũng tính đến mục tiêu công bằng xã hội, thông qua chính sách định giá nước nhằm đảm bảo những người nghèo ở cả khu vực đô thị và nông thôn có thể tiếp cận với nguồn nước sạch, an toàn. Ngoài ra, chiến lược quản lý cầu cũng hướng đến sự tham gia của cộng đồng, tôn trọng ý kiến của người tiêu dùng trong việc quyết định về quản lý nguồn nước. Tiếp cận quản lý cầu luôn hướng đến mục tiêu

bảo đảm bền vững môi trường trên cơ sở thay đổi hành vi tiêu dùng, đặc biệt biến đổi khí hậu ngày càng khiến cho nguồn cung cấp nước trở nên khan hiếm và thiếu hụt trầm trọng.

Đối với quản lý cầu nước sinh hoạt được phân loại thành 3 dạng (Sharma và Vairavamoorthy, 2009). Thứ nhất, là nhóm các biện pháp kỹ thuật nhằm làm giảm lượng nước thất thoát như sử dụng các thiết bị tiết kiệm nước, quản lý đồng hồ đo, ... Thứ hai là nhóm các biện pháp kinh tế như sử dụng công cụ giá, biểu phí, trợ cấp, tiền phạt nhằm khuyến khích người sử dụng có ý thức tiết kiệm, bảo tồn tài nguyên nước. Cuối cùng là nhóm các biện pháp mang tính chính trị - xã hội như xây dựng các khuôn khổ pháp lý, quy định, nguyên tắc nhằm khuyến khích, thúc đẩy các biện pháp quản lý cầu cũng như nâng cao nhận thức người dân thông qua giáo dục cộng đồng. Rõ ràng, quản lý cầu nước đề cập đến tất cả các biện pháp tăng cường hiệu quả kỹ thuật, xã hội, kinh tế, môi trường và thể chế và hướng đến mục tiêu giảm thiểu tổn thất cũng như sử dụng tối ưu để đáp ứng nhu cầu nước hiện tại và tương lai, tiếp cận quản lý cầu được thể hiện thông qua các chiến lược cụ thể như chiến lược kinh tế, kỹ thuật và thể chế và được áp dụng khá linh hoạt tùy vào điều kiện từng quốc gia. Trong bài viết này, tác giả tập trung chủ yếu nhóm biện pháp kinh tế, cụ thể là công cụ định giá nhằm quản lý cầu nước sinh hoạt.

Đối với chiến lược kinh tế, các chính sách liên quan đến thị trường và giá nước được cho là những biện pháp hữu hiệu đạt được phân bổ nước hiệu quả nếu áp dụng thành công (Griffin, 2006), mặc dù ngành nước có nhiều yếu tố gây thất bại thị trường nên cơ chế thị trường và giá chưa hoàn thiện. Tuy nhiên, chính sách định giá được cho sẽ khắc phục những khuyết điểm xuất phát từ thị trường ngành nước. Ngoài mục tiêu và nguyên tắc chính của định giá nhằm thu hồi chi phí, bảo đảm nguồn tài chính, thì định giá cũng hướng đến quản lý cầu, cải thiện phân bổ nước và kiểm soát ô nhiễm, bởi nếu giá nước không được tính hoặc tính với mức quá thấp sẽ dễ dẫn đến hành vi sử

dụng lãng phí và người tiêu dùng không có động cơ để giảm hoặc lựa chọn những thiết bị sử dụng nước hiệu quả. Đối với nước sinh hoạt, định giá được thực hiện và áp dụng theo nhiều phương pháp khác nhau, tùy thuộc vào điều kiện thực tế từng lãnh thổ và quốc gia.

Định giá theo chi phí cận biên

Định giá theo chi phí cận biên được xác định dựa trên giá của việc sản xuất/cung cấp thêm một đơn vị nước. Để xác định giá nước theo tiếp cận chi phí cận biên cần xác định hàm cầu sử dụng nước sinh hoạt ($P_d=a-bQ$) cũng như hàm chi phí cung cấp nước ($P_s=c+dQ$) (trong đó a, b, c, d là các hệ số đường cầu và chi phí cung cấp nước; Q là khối lượng nước). Từ đó xây dựng và tối đa hàm phúc lợi xã hội ròng (NSW) : $MaxNSW = \int (a - bQ)dQ - \int (c + dQ)dQ$. Để tối đa lợi ích do nước đem lại, giải bài toán tìm cực trị hàm phúc lợi xã hội, khi đó:

$$\frac{dNSW}{dQ} = \frac{d}{dQ} \left[\int (a - bQ)dQ - \int (c + dQ)dQ \right] = 0$$

Trên cơ sở cân bằng cung cầu, có thể xác định được giá cân bằng $P_d = P_s = P^*$. Theo lý thuyết kinh tế, định giá hiệu quả khi dựa trên chi phí cận biên, là phương pháp giá nước được xác định bằng với chi phí biên cung cấp nước (hay $P^*=MC$). Tính chính xác và hợp lý của mô hình tùy thuộc vào xác định hàm lợi ích và chi phí cung cấp nước, do những khó khăn khi xây dựng hàm chi phí cũng như bất định từ phía cung cấp do phụ thuộc vào yếu tố thời tiết. Có nhiều quan điểm cho rằng định giá theo chi phí cận biên thường bỏ qua vấn đề công bằng (Dinar và các cộng sự, 1997), đặc biệt trong thời kỳ khan hiếm, sẽ làm cho giá nước tăng lên ảnh hưởng tiêu cực đến các nhóm thu nhập thấp, bởi nước là mặt hàng thiết yếu nên ai cũng có quyền được sử dụng.

Định giá theo khối (block pricing)

Định giá theo khối (block) là một trong phương pháp định giá theo thể tích. Giá nước thay đổi khi người tiêu dùng sử dụng vượt quá giới hạn khối lượng theo từng block. Có 3 cấu trúc tỷ giá được tính theo khối đó là tăng theo khối, giảm theo khối

và đồng nhất (cố định). Theo Boland và Whittington (2003), để thiết kế cấu trúc định giá theo block cần: quyết định số lượng khối (block) để tính giá, xác định khối lượng nước sử dụng ứng với mỗi khối (block), và xác định giá nước cho các khối (block) này. Ví dụ trường hợp tài nguyên nước có dấu hiệu khan hiếm, cấu trúc định giá tăng theo khối thường áp dụng. Giá của khối nước đầu tiên có thể được tính trên cơ sở chi phí vận hành và bảo dưỡng (O&M) thấp. Các khối nước kế tiếp thường được tính giá với cao hơn nhằm bảo đảm bù đắp chi phí O &M và phản ánh chi phí cận biên của việc cung cấp nước.

Định giá hai thành phần

Định giá hai thành phần là sự kết hợp giữa định giá theo thể tích với phí cố định. Đây là một trong những phương pháp định giá bảo đảm hai mục tiêu thu hồi ngân sách và khuyến khích người dân tiết kiệm nước. Theo cách định giá này, giá nước được cấu thành từ hai thành phần. Thành phần thứ nhất, người tiêu dùng thanh toán một lần (kể cả xét đến trường hợp khan hiếm, mức phí cố định F_{Δ}). Cấu phần thứ hai, là phần thanh toán cho những tiêu dùng nước thực tế:

$$B_n = M + p * (w_n - \bar{w})$$

Trong đó: p là giá nước, w_n tiêu dùng nước được đo lường và \bar{w} là mức ngưỡng cho phép; M là “phí nước theo đồng hồ đo” cố định được thanh toán ở mỗi giai đoạn cho tất cả các khách hàng, nhằm thu hồi chi phí cố định và p là chi phí biên của cung cấp nước, B: số tiền thanh toán cho thành phần giá thứ hai.

Thực tế cho thấy, chiến lược định giá thường áp dụng cho quản lý cầu, đặc biệt là khu vực thành thị, nơi có mật độ dân cư đông đúc, nhu cầu sử dụng lớn, và được cho là khá hiệu quả (Araral và Wang, 2013), tuy nhiên mỗi chính sách định giá sẽ tùy vào điều kiện cung cấp cũng như nhu cầu sử dụng ở từng quốc gia, và vùng lãnh thổ. Trên đây là một số tổng quan về cách tiếp cận quản lý cầu bằng các công cụ kinh tế, thông qua các phương pháp định giá nhằm hướng đến sự thay

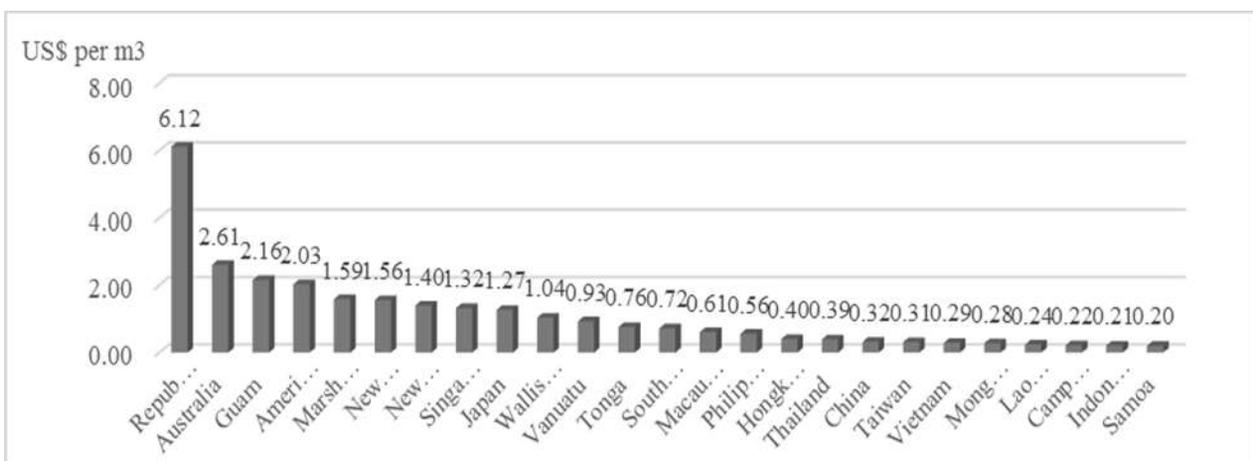
đổi trong hành vi tiêu dùng, cũng như bảo tồn nguồn nước mà hiện nay ở nhiều nước trên thế giới đang áp dụng. Phân tiếp theo nghiên cứu trình bày một số cách tiếp cận kinh tế để quản lý cầu nước sinh hoạt ở Việt nam hiện nay, cũng như thách thức.

3. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ CẦU THÔNG QUA ĐỊNH GIÁ NƯỚC SINH HOẠT Ở VIỆT NAM

Theo báo cáo của nhiều tổ chức trên thế giới đều nhận định Việt Nam là một trong những quốc gia dễ bị chịu ảnh hưởng trực tiếp từ biến đổi khí hậu, đặc biệt đối với tài nguyên nước, kết hợp với đặc thù phụ thuộc lớn vào dòng chảy từ nước ngoài nên tình trạng thiếu nước của Việt nam ngày càng trầm trọng, đặc biệt vào mùa khô. Hơn nữa, với đặc điểm nguồn nước không phân bố đều giữa các vùng và lưu vực sông nên đã gây những khó khăn trong việc cung cấp nước, khô, đặc biệt là trong các lưu vực có nhu cầu cao như Hà nội, thành phố Hồ Chí Minh (ADB, 2009). Điều đó

được thể hiện ở mức cung cấp nước tính trung bình trên đầu người mỗi ngày có xu hướng giảm đáng kể từ 318.63 lít/ngày/người năm 1997 xuống còn khoảng 192.6lít/người/ngày (IBNET, 2017).

Tốc độ đô thị hóa đã ngày càng gia tăng áp lực đối với khả năng cung cấp nước sinh hoạt. Một trong những vấn đề chính trong quản lý nước sinh hoạt hiện nay là mức giá nước sinh hoạt được trợ cấp nhiều từ phía chính phủ. Giá nước sinh hoạt ở Việt Nam hiện ở mức khá thấp so với các quốc gia trên thế giới, trung bình khoảng 0.29 \$/m³ (Hình 1), khiến cho doanh thu ngành nước khá thấp. Nghiên cứu cho thấy, hầu hết các công ty cung cấp nước thu hồi chi phí còn ở mức thấp (khoảng 70%) để vận hành và bảo dưỡng hệ thống, và ý muốn thanh toán của người tiêu dùng đối với nước sinh hoạt ở thành thị sẵn sàng chi trả 1.1% thu nhập của hộ gia đình (ADB, 2010), đây cũng chính là nguyên nhân khiến cho khu vực tư nhân khó có động cơ tham gia trong lĩnh vực quản lý tài nguyên nước.



Hình 1. Giá nước sinh hoạt trung bình của các nước (Nguồn: IBNET, 2017)

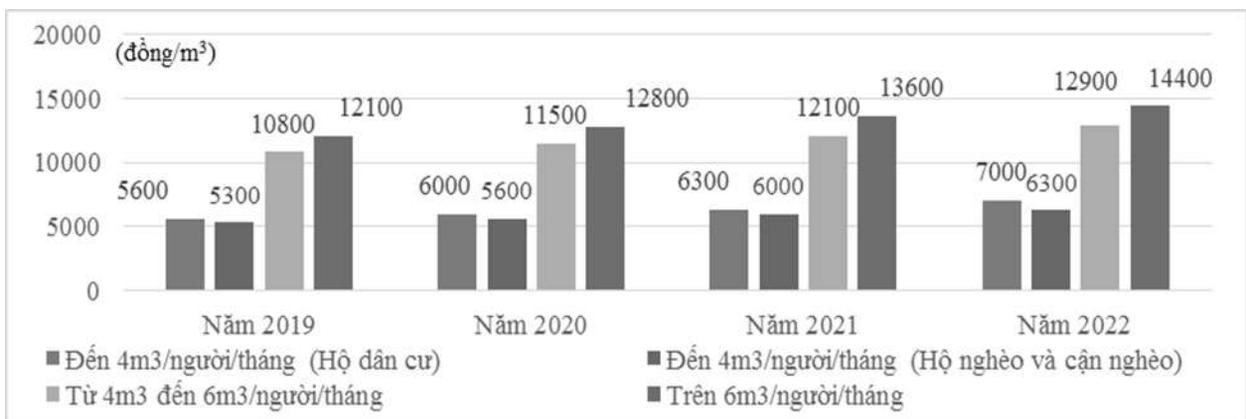
Vận hành và quản lý hệ thống tài nguyên nước hiện nay được cho là một trong những nhiệm vụ trọng tâm mà Chính phủ đã đặt ra nhằm hướng đến mục tiêu phát triển xanh và bền vững, Việt Nam đã thông qua Kế hoạch Hành động Quốc gia để thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 về Phát triển Bền vững theo Quyết định số 622/QĐ-TTg; Ngày 10 tháng 5 năm 2017, kế hoạch này bao

gồm thiết lập mục tiêu và các chỉ số cho mục tiêu phát triển bền vững SDG6. Các tiếp cận quản lý cầu cũng đã và đang được lồng ghép trong các chính sách quản lý và quy hoạch tài nguyên nước. Mặc dù các hình thức đầu tư trong ngành nước chủ yếu là đầu tư công, với trợ cấp của nhà nước, tuy nhiên với tình hình nợ công ngày càng gia tăng, cùng với nhu cầu sử dụng nước giữa các mục

địch cạnh tranh khá phức tạp, chính sách quản lý cũng đã mở rộng, hướng đến các nguồn vốn tư nhân, tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong vận hành và quản lý hệ thống. Sự chuyển biến về thể chế bước đầu thông qua sự chuyển đổi từ các doanh nghiệp nhà nước sang các hình thức hoạt động và quản lý có sự tham gia của người dân hoặc tư nhân dưới hình thức mô hình hợp tác công tư, cổ phần hóa, tư nhân hóa hoặc xã hội hóa. Đây cũng được cho là một trong những tiếp cận quản lý cầu trong quản lý tài nguyên nước mà Việt nam đã và đang từng bước áp dụng, và đã được thể chế hóa trong Luật tài nguyên nước.

Đối với tính giá nước sinh hoạt, Chính phủ cũng đã hướng dẫn quy định tổ chức thực hiện hạch toán, tính toán chính xác, đầy đủ các chi phí và định mức thuế nước theo Nghị định số 117/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, tiêu thụ nước uống; Thông tư liên tịch số 95/TTLT-BTC-BXD-BNN trình cấp có thẩm quyền phê duyệt giá nước cho người sử dụng nước. Dựa trên hướng dẫn của nhà nước, biểu tính giá nước sinh hoạt được hiệu chỉnh theo từng địa phương, tuy nhiên nhiều mô hình và cơ chế quản lý khai thác các công trình cấp nước ở một số khu vực vẫn còn chưa hiệu quả và bền vững (WHO, 2012). Phương pháp tính giá chính ở Việt Nam chủ yếu vẫn áp dụng cách tính giá tăng theo block, chưa áp dụng cách tiếp cận định giá theo hai thành phần, các mức giá áp dụng cũng còn ở mức thấp,

mặc dù cũng đã có sự phân biệt giá đối với khối lượng nước sử dụng gia tăng. Ví dụ theo khung giá nước của Công ty TNHH một thành viên nước sạch Hà nội quy định giá nước hiện tại không có khoản phí cố định hàng tháng, chủ yếu được tính dựa trên khối lượng nước sử dụng với mức giá tăng dần. Cụ thể đối với 10 m³ đầu tiên (block), giá nước là 5.973 đồng/m³, 10m³ tiếp theo được tính với mức giá 7.052 đồng/m³ và 8.669 đồng/m³ với 10 m³ tiếp theo, trên 30m³ giá nước là 15.929 đồng/m³. Ngoài ra, giá nước cuối cùng còn bao gồm 5% thuế giá trị gia tăng và 10% chi phí bảo vệ môi trường (phí nước xả thải). Giá nước cũng được áp dụng chi tiết cho từng đối tượng sử dụng như các đơn vị kinh doanh, dịch vụ, sản xuất... Mặc dù phương pháp định giá nước sinh hoạt ở Hà nội và thành phố Hồ Chí Minh đều định giá theo phương pháp tăng dần theo block, tuy nhiên có sự khác biệt trong cách xác định giá và block để tính giá nước dựa trên số m³ sử dụng mỗi người theo tháng (Hình 2). Phí nước thải cũng được áp dụng với mức thu 10% trên giá nước sạch (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng). Một trong những mục tiêu mà định giá hướng đến là bảo đảm công bằng giữa những người sử dụng, giá nước sinh hoạt ở thành phố Hồ Chí Minh có xét đến đối tượng nghèo và cận nghèo, áp dụng với biểu giá thấp hơn cho các phương án sử dụng so với các hộ dân cư khác, tuy nhiên chưa có sự khác biệt đáng kể.



Hình 2. Biểu giá nước sinh hoạt thành phố Hồ Chí Minh
 Nguồn: Công ty Cổ phần cấp nước Trung An (2020)

Với ví dụ điển hình về cách tính giá nước sinh hoạt ở hai khu vực đông dân cư nhất cho thấy cách tính giá hiện nay ở Việt Nam theo phương pháp định giá tăng dần theo block, xây dựng biểu giá nước đều tuân theo quy chế tính giá đã được Nhà nước ban hành, theo đó, giá nước thường được tính trên chi phí sản xuất. Tuy nhiên, một trong những thách thức đối với ngành nước nói chung và cung cấp nước sinh hoạt nói riêng đang phải giải quyết đó là hoàn thiện thể chế, cơ chế tài chính nhằm bảo đảm tính bền vững trong cung cấp các dịch vụ nước. Nghiên cứu của ADB cho thấy, cơ chế tính giá nước ở Việt Nam còn khá thấp, trung bình chỉ chiếm khoảng 1.1% thu nhập bình quân của các hộ gia đình ở thành thị so với mức trung bình là 5% trên thế giới. Với cơ chế tính giá nước hiện tại, hầu hết các công ty cung cấp nước sinh hoạt chỉ thu hồi được gần 70% chi phí O&M, và vẫn được sự trợ cấp của nhà nước (ADB, 2010), mặc dù nhiều địa phương đã ban hành khung giá nước, tuy nhiên nhiều mô hình và cơ chế quản lý khai thác các công trình cấp nước ở một số khu vực vẫn không có hiệu quả và bền vững.

Phí bảo vệ môi trường và thuế giá trị gia tăng chiếm một tỷ trọng nhất định trong giá nước và cũng theo cơ cấu tăng dần theo khối lượng sử dụng của các hộ gia đình. Theo đánh giá của nhiều chuyên gia quốc tế cho rằng, cách định giá hiện nay của các nước có thu nhập thấp và trung bình phần lớn áp dụng cách định giá hai thành với định giá tăng dần theo khối lượng trong thành phần thứ hai. Tuy nhiên, Việt Nam là một trong ít quốc gia giá nước không tính đến phí cố định hàng tháng ngoài các khoản tính theo giá nước tăng dần theo block. Theo thống kê, các mức phí cố định hàng tháng cho việc cung cấp nước sinh hoạt ở khu vực Đông Á Thái Bình Dương khoảng 5 đô la/tháng (Whittington, 2016). Việc áp dụng phí cố định kết hợp với định giá tăng dần theo block (định giá hai thành phần) được các nhà kinh tế đề xuất là một trong những lựa chọn nhằm tái phân phối lại trong nền kinh tế (áp dụng trong ngành nước) bằng cách

sử dụng thành phần phí cố định ngoài mục đích thu hồi một phần chi phí còn có thể phân phối lại cho người nghèo thông qua áp dụng những mức phí/giá đặc biệt như miễn phí 4-8 m³ đầu tiên, và áp dụng các biểu phí tương tự cho các khối lượng m³ tiếp theo.

Ngoài ra, một trong những mục tiêu quản lý cầu hướng đến kiểm soát ô nhiễm, đặc biệt đối với nguồn nước thải. Thực tế cho thấy biểu giá nước sinh hoạt hiện nay thường quy định khoảng 10% hóa đơn tiền nước (Nghị định 88/CP), mức chi phí này cũng chỉ đảm bảo được 10 – 20% chi phí vận hành và bảo dưỡng hệ thống thu gom nước thải. Quản lý hành vi tiêu dùng nước sinh hoạt cũng quan trọng như đối với nước xả thải. Rõ ràng xây dựng mức phí xả thải quá thấp cũng tương đương khó khuyến khích người tiêu dùng kiểm soát hành vi xả thải của mình. Điều này cũng là một trong những nguyên nhân gây tình trạng ô nhiễm nước và khó kiểm soát chất lượng nước xả thải. Như vậy, còn khá nhiều khó khăn, thách thức trước mắt đối với ngành nước sinh hoạt nói riêng cũng như tài nguyên nước nói chung, khi sử dụng tiếp cận quản lý cầu nhằm thay đổi hành vi sử dụng của người tiêu dùng thông qua công cụ định giá.

4. KẾT LUẬN & KIẾN NGHỊ

Trước những biến động về số lượng và chất lượng hiện nay của tài nguyên nước trong điều kiện biến đổi khí hậu cũng như phát triển kinh tế, bùng nổ dân số và tốc độ đô thị hóa đòi hỏi công tác quy hoạch và quản lý tài nguyên nước áp dụng linh hoạt và hài hòa các giải pháp, trong đó quản lý cầu thông qua định giá được cho là một trong những tiếp cận khá hiệu quả trong điều kiện hiện nay.

Đối với dịch vụ cung cấp nước sinh hoạt, cần xem xét và hiệu chỉnh cách tính giá nước theo phương pháp định giá hai thành phần với cấu phần cố định nhằm bảo đảm một phần chi phí cũng như là cơ sở bảo đảm công bằng và cấu phần thứ hai được tính dựa trên phương pháp định giá tăng dần theo khối lượng. Ngoài ra các mức giá này cũng cần phù hợp theo từng khu vực và phản ánh sự

khác biệt theo mùa và việc lựa chọn các mức khối lượng trong từng block cũng phải được nghiên cứu cụ thể. Hơn nữa, giá nước cũng cần phản ánh hiệu quả phí xả thải nhằm quản lý nguồn nước thải trước hết bảo đảm việc vận hành và hoạt động của hệ thống thu gom và xử lý nước thải. Tìm hiểu ý muốn thanh toán của người tiêu dùng cũng phải được coi trọng như một cấu phần làm nên sự thành công của định giá và cần nghiên cứu chi tiết. Cho đến nay, định giá vẫn được cho là một

trong những chính sách quản lý cầu trực tiếp và hiệu quả. Tuy nhiên, để thiết kế biểu giá phù hợp đòi hỏi cần mở rộng thị trường cung cấp nước thông qua khuyến khích khu vực tư nhân tham gia trong quản lý và vận hành với cấu trúc tổ chức linh hoạt, dưới hình thức cổ phần hóa, tư nhân hóa luôn được cho là một trong những giải pháp sẽ tận dụng được nguồn tài chính tư nhân hay cộng đồng nhằm giải quyết bài toán quản lý tài nguyên nước hiệu quả trong điều kiện hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Công ty Cổ phần cấp nước Trung An (2020). *Biểu giá nước sinh hoạt của công ty CP cấp nước Trung An*, truy cập tại <http://capnuoctrungan.vn/Main/Home/ThongTin?chudes=32>
- Araral, Eduardo and Yahua Wang. 2013. 'Water demand management: review of literature and comparison in South-East Asia'. *International Journal of Water Resources Development*, 29 (3):434-450.
- Asian Development Bank (ADB). (2009). *Water: Vital for Viet Nam's Future*. Manila, Philippines: ADB.
- Asian Development Bank(ADB). (2010). 'Vietnam Water and Sanitation Sector Assessment, Strategy and Roadmap'. Southeast Asia Department Working Paper. Manila: ADB.
- Boland, John J., and Dale Whittington. (2003). *The Political Economy of Increasing Block Tariffs in Developing Countries*, truy cập tại trang web <http://www.eepsea.org>
- Dinar, A., Rosegrant, M.W., và Meinzen-Dick, R. (1997), 'Water Allocation Mechanisms: Principles and Examples', World Bank: Policy Research Working Paper #1779, Washington, D.C.
- Griffin. R.C. (2006). *Water Resources Economics: Analysis of Scarcity, Policies, and Projects*. Massachusetts Institute of Technology. USA
- Herbertson, P.W. and E.L. Tate. (2001). 'Tools for Water Use and Demand Management in South Africa'. Technical Reports in Hydrology and Water Resources, World Meteorological Association, No. 73.
- International Benchmarking Network for Water and Sanitation Utilities (IBNET). *Benchmarking Database (2017)*. Truy cập tại <https://www.ib-net.org>
- Sharma, S.K. & Vairavamoorthy, K. (2009). *Urban water demand management: prospects and challenges for the developing countries*. *Water and Environment Journal* 23(3):210-218
- Whittington, Dale. 2016. *Current tariff structures in low and middle-income countries*. Video 3.3 in the *University of Manchester Massive Open Online Course, Water Supply and Sanitation Policy in Developing Countries Part 2: Developing Effective Interventions*. Mountain View, California: Coursera. Truy cập tại <https://www.coursera.org/learn/water-part-2/lecture/2TdYY/video-3-3-current-tariff-structures-in-low-and-middle-income-countries>
- World Health Organization (WHO), *Vietnam Health Environment Management Agency (VIHEMA), and United Nations International Children's Fund. (2012)*. Vietnam Water Sector and Sanitation Sector Assessment Report.

Abstract:
**STUDY THE DEMAND MANAGEMENT APPROACH
FOR DOMESTIC WATER BY WATER PRICING**

Water is one of the essential needs, which always affects directly to human life. In multiple purposes, domestic water is considered as one of important priorities. Nowadays, domestic water supply is pressured by population growth, economic development and urbanization problems. Therefore, it is needed to understand the value of water as well as applying the new approach in water management and planning efficiently. Water demand management by economic tools such as water pricing is one of the approaches applied in many countries, and aims to change the consumer's behaviors and perceptions in water use efficiently. In this article, the scientific basis of domestic water demand management by water pricing methods is studied as well as access to this issue in Vietnam.

Keywords: Demand management, water pricing, domestic water

Ngày nhận bài: 30/7/2020

Ngày chấp nhận đăng: 29/9/2020